

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

HUYỆN AN LÃO – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của
UBND thành phố Hải Phòng)

Lão, 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN AN LÃO – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Ngày 22 tháng 03 năm 2024

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(đã ký)

Ngày 19 tháng 03 năm 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO**

(đã ký)

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iii
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Cơ sở của công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	1
1.1. Căn cứ pháp lý	1
1.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, số liệu, bản đồ.....	7
2. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	7
3. Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp	7
4. Các sản phẩm của dự án	7
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	8
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.....	8
1.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	8
1.1.2. Các nguồn tài nguyên	9
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội	10
1.2.1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế, xã hội	10
1.2.2. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	11
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.....	14
1.3.1. Thuận lợi.....	14
1.3.2. Khó khăn, hạn chế	15
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	15
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	15
2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023.....	16
2.1.2. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023.....	17
2.1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.....	19
2.1.4. Đánh giá kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.....	20
2.1.5. Đánh giá việc triển khai thực hiện các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	20
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	29
2.2.1. Ưu điểm	29
2.2.2. Nhược điểm	29
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	30
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	31
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất (Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh trong năm 2024)	31
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	31

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất (Xác định nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện).....	31
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (Xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện)	33
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	33
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích năm 2024	45
3.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp.....	45
3.4.2. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở.....	45
3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024	46
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2024	46
3.7. Danh mục công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	46
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024	47
3.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	47
3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	47
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	49
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	49
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	50
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	50
4.4. Các giải pháp khác.....	50
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	54
1. Kết luận.....	54
2. Kiến nghị	55

DANH MỤC BẢNG

Bảng 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023..... 16
Bảng 02: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023..... 17
Bảng 03: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023..... 19
Bảng 04: Đánh giá danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 huyện An Lão 22
Bảng 05: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão..... 33
Bảng 06: Dự kiến các khoản thu chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024..... 49

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định “Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai” và tại Điều 45 Khoản 3 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện”.

Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, nhằm thực hiện và cụ thể quy hoạch trong quá trình phát triển kinh tế, phát triển bền vững tài nguyên đất. Đặc biệt trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, việc lập kế hoạch sử dụng đất là yêu cầu cấp thiết đối với các cấp.

Tại Khoản 2 Điều 37 Luật đất đai 2013 quy định “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm”, là cơ sở pháp lý theo Luật để thực hiện các thủ tục thu hồi đất giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các công trình dự án....trong năm 2024 trên địa bàn huyện. Tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định “Quý III hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định”.

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, được sự chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện An Lão đã tiến hành “**Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão**”. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học, làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện An Lão.

1. Cơ sở của công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.
- Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMY ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Quyết định số 1881/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/8/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Hải Phòng;
- Nghị quyết số 45/NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.
- Chương trình hành động số 76/CTr/TU ngày 08/07/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính Trị;
- Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND thành phố về việc quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của HĐND thành phố về Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐHD ngày 18/7/2023 của HĐND thành phố xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND thành phố về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2021;
- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/08/2021 của HĐND thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;
- Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021;
- Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư

phải thu hồi; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023;

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022;

- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của HĐND thành phố điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022;

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố về thông qua danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023;

- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện các dự án trên địa bàn các quận, huyện: Hải An, Dương Kinh, An Lão, Kiến Thụy.

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2024;

- Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp thành

phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030;

- Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện An Lão;

- Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND thành phố phê duyệt đề án xác định vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão; Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão; Quyết định số 4251/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND thành phố về việc bổ sung (lần 2) kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão.

- Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa thành phố Hải Phòng đến năm 2025; định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND thành phố về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố;

- Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND thành phố về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND thành phố về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 trên địa bàn thành phố.

- Văn bản số 5000/UBND-ĐC3 ngày 07/9/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 trên địa bàn thành phố.

- Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND thành phố về việc kiện toàn thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

1.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, số liệu, bản đồ

- Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện An Lão;
- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão.
- Báo cáo tình hình kinh tế- xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023; phương hướng, chri tiêu, nhiệm vụ năm 2024;
- Số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2022; các công trình thực hiện đến 31/12/2023 huyện An Lão;
- Danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và danh mục đầu tư công năm 2024 huyện An Lão;
- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các sở, ban ngành của thành phố; phòng, ban, đơn vị trên địa bàn huyện và các xã, thị trấn năm 2024.

2. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

a. Mục đích

- Thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.
- Là căn cứ để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và đạt hiệu quả cao.

b. Yêu cầu

- Đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, kế hoạch sử dụng đất của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện An Lão.
- Khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa và chiến lược phát triển bền vững của thành phố.

3. Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp

“Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão” ngoài phần đặt vấn đề, phần kết luận và kiến nghị, bố cục báo cáo gồm 4 phần sau:

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4. Các sản phẩm của dự án

Sản phẩm lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão được lập thành phần bao gồm:

1. Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão.
2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

3. Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.
4. Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.
5. Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.
6. Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý:

Huyện An Lão có tổng diện tích tự nhiên là 11.772,53 ha, bao gồm 17 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn (15 xã và 2 thị trấn) với dân số hiện trạng là 151.324 người (*theo số liệu niên giám thống kê năm 2022 huyện An Lão*). Huyện có tọa độ địa lý từ 106⁰27'30" đến 106⁰41'15" kinh độ Đông, từ 20⁰42'30" đến 20⁰52'30" vĩ độ Bắc. Có vị trí tiếp giáp sau:

- Phía Bắc giáp huyện An Dương;
- Phía Nam giáp huyện Tiên Lãng;
- Phía Đông giáp quận Kiến An và huyện Kiến Thụy;
- Phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Hải Dương.

Huyện An Lão cách trung tâm thành phố Hải Phòng 18 km, có vị trí chiến lược và quan trọng của đồng bằng sông Hồng, có tuyến đường quốc lộ 10, tỉnh lộ 360, 354, 357, 362 chạy qua nối liền một số đô thị trong thành phố và các tỉnh lân cận như Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

Với vị trí địa lý như trên, An Lão có nhiều lợi thế trong việc giao lưu kinh tế, tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư nước ngoài thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Địa hình, địa mạo:

Huyện An Lão có địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 3 - 5 m thấp nhất từ 0,5 - 1m so với mặt nước biển, xen vào đó là một dãy núi trải Tây Bắc xuống Đông Nam, với nhiều điểm cao trên 100 m và trong đó có Núi Voi với diện tích 300 ha nằm ở xã An Tiến và Trường Thành là một khu di tích lịch sử có giá trị văn hoá và du lịch rất cao.

- Khí hậu:

Huyện nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ không khí trung bình năm là 23,80°C. Có 02 mùa rõ rệt là mùa đông và mùa hè, nhiệt độ chênh lệch giữa 02 mùa là 11°C - 12°C. Độ ẩm không khí: độ ẩm trung bình cả năm là 85,00%; độ ẩm thấp nhất vào tháng 1 là 73,00%, cao nhất vào tháng 4 là 91,00%. Lượng bốc hơi hàng năm bình quân 700ml, trong tháng khô hanh chế độ nước mất cân bằng, lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa nên xảy ra khô hạn, thiếu nước. Lượng mưa bình quân cả năm là 1.740 mm (số đo trung bình từ 1965-1995). Lượng mưa trung bình hằng năm là: 1.820 mm. Tổng số ngày nắng 150 - 160 ngày/năm, tháng 5 và tháng 7 có giờ nắng cao nhất là 188 giờ/tháng.

Huyện An Lão chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chính: Gió mùa Đông Bắc vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau) tốc độ gió trung bình là 2,2 m/s. Gió Đông Nam vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, vận tốc gió trung bình 2,5 m/s. Tốc độ trung bình trong năm từ 1,7-4 m/s cực đại đạt 20-25 m/s vào mùa mưa bão.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

- Tài nguyên đất

An Lão là huyện đồng bằng thuộc đồng bằng sông Hồng, có đồi núi và có địa hình địa mạo đa dạng so với các huyện khác của Hải Phòng. Do được bao bọc bởi hệ thống sông ngòi dày đặc, được sự bồi đắp phù sa liên tục của sông Đa Độ đã làm giảm mức độ chua, mặn, diện tích đất chua, mặn chiếm tỉ lệ nhỏ trong đất nông nghiệp. Nguồn nước ngọt của sông Đa Độ tưới tiêu cho nội đồng trên phạm vi toàn huyện, cùng hệ thống thủy lợi được xây dựng khá đồng bộ đã làm giảm mức độ chua mặn thấp hơn so với các huyện khác của Hải Phòng. Đây là yếu tố rất thuận lợi cho các canh tác ruộng 3 vụ, 2 vụ và tương lai là cơ sở để phát triển các vùng cây công nghiệp tập trung, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản.

Đất đai của An Lão được hình thành do sự bồi tụ phù sa của các nhánh của sông Thái Bình (gồm 3 sông chính là sông Văn Úc, Lạch Tray, Đa Độ) bao gồm: Đất phù sa được bồi hàng năm; đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn các loại đất khác có diện tích khoảng 6.800 ha phân bố đều ở các xã, thị trấn.

- Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Lượng nước trong hệ thống sông ngòi huyện An Lão và đều thuộc hệ thống sông Thái Bình mà chủ yếu là 3 con sông: Đa Độ, Sông Cung - Khúc Giản, sông Cầu Sẻ, sông Cầu Nghệ. Trong đó sông Đa Độ có vị trí quan trọng nhất nó cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt và tưới tiêu ruộng đồng An

Lão và các quận huyện của thành phố Hải Phòng.

- Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu nghiên cứu về trữ lượng và chất lượng nguồn nước ngầm trên địa bàn của huyện không phong phú và hạn hẹp. Hiện nay nhân dân trong huyện vẫn sử dụng mạch nước ngầm mạch nóng ở độ sâu 4m - 16m phục vụ cho sinh hoạt, lưu lượng nước 0,7 - 0,8 lít/s. Nguồn nước ngầm của huyện có độ khoáng cao và chua, do vậy phải qua bể lọc mới sử dụng được.

- Tài nguyên rừng

Theo thống kê đất đai tính đến 31/12/2023, huyện An Lão hiện có diện tích 146,65 ha rừng trong đó toàn bộ 146,65 ha là đất rừng phòng hộ loại cây chủ yếu là cây keo, bạch đàn, thông, tràm... các loại cây trồng này chủ yếu cho mục đích bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên chống xói mòn, lở đất.

- Tài nguyên khoáng sản

Địa bàn huyện An Lão không nhiều khoáng sản, các nhóm kim loại quý hiếm hầu như không có, tuy nhiên các khoáng sản vật liệu xây dựng như cát có số lượng lớn, nằm dọc theo các sông Văn Úc, Lạch Tray. Tài nguyên đất sét thuộc núi Xuân Sơn, núi Tiên Nôi thuộc địa bàn các xã, thị trấn: An Tiên, Trường Sơn, An Thắng, Thái Sơn.

- Tài nguyên nhân văn

Theo kết quả khảo sát, huyện An Lão hiện có 47 di tích lịch sử, trong đó: có 44 di tích lịch sử cấp thành phố và 3 di tích đã được Nhà nước xếp hạng cấp Quốc Gia.

An Lão có điểm du lịch hấp dẫn nhất là di tích núi Voi. Đây là quần thể du lịch vừa mang đậm văn hóa tâm linh gắn với những truyền thuyết lịch sử về quần thể di tích này. Núi Voi là một quần thể danh thắng thơ mộng giữa miền đồng bằng phì nhiêu với những hang sâu, động lớn, hồ trong như động Họng Voi, các hang Già Vị, hang Chiên Trống, hang Cá Chép còn vẻ hoang sơ, huyền bí. Ngoài ra An Lão còn có sức hấp dẫn du khách, nhất là khách nước ngoài thăm các công trình văn hóa tâm linh như đền Trạng Nguyên Trần Tất Văn, các đình, chùa, miếu cổ,... thưởng thức các đặc sản của địa phương như chè Chi Lai, khoai Tiên Hội, nem An Thọ,...

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội

1.2.1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế, xã hội

Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2023, huyện An Lão thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế, xã hội cụ thể như sau:

* *Thực trạng ngành nông nghiệp*

Sản xuất nông nghiệp: tiếp tục ổn định, phát triển tốt trên các lĩnh vực,

không có dịch bệnh xảy ra. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước đạt 1.580,588 tỷ đồng.

- Sản xuất lúa vụ xuân năm 2023: Tổng diện tích gieo cấy: 3.354,6 ha/3.000ha; năng suất 69 tạ/ha; sản lượng 23.146,74 tấn. Sản xuất lúa vụ mùa năm 2023: Tổng diện tích gieo cấy: 3.340,47 ha/3.000 ha.

- Chăn nuôi: Tổng đàn trâu, bò 1.075 con; đàn lợn 14.809 con; đàn gia cầm: 1.929.597 con.

- Thủy sản: Diện tích nuôi thả: 823,01 ha với sản lượng 4.855 tấn, đạt 100% KH; sản xuất giống: 468 triệu con.

- *Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*: Trên địa bàn huyện có 06 chủ thể tham gia chương trình với 17 bộ sản phẩm trong đó có 01 sản phẩm tương đương, 16 sản phẩm đã được UBND thành phố, UBND huyện công nhận đạt 03 sao.

* *Thực trạng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:*

- Giá trị sản xuất Công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn do huyện quản lý ước đạt 791,500 tỷ đồng.

* *Thực trạng ngành thương mại – dịch vụ*

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 6.120 tỷ đồng; Dịch vụ lưu trú ăn uống ước đạt 921,2 tỷ đồng.

1.2.2. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

* *Giao thông*

- Kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng 64,6 km đường trục huyện; đảm bảo 2 bên lề đường thông thoáng thuận tiện cho lưu thông. Kịp thời phát hiện và tham mưu xử lý các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến QL10, ĐT.354, ĐT.357, ĐT.360, ĐT.362. Chỉ đạo nhà thầu tổ chức thi công 02 công trình Duy tu sửa chữa ĐH.33 và ĐH.36 với tổng mức đầu tư 7,8 tỷ đồng bằng nguồn kinh phí thành phố hỗ trợ.

- *Giao thông đường bộ:*

Hệ thống giao thông qua địa bàn huyện An Lão rất phong phú gồm đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng, Quốc lộ 10, các tuyến đường tỉnh và hệ thống đường huyện.

+ Đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng: đoạn đi qua địa bàn có chiều dài 13,7 km, lộ giới 100m.

+ Quốc lộ 10: chạy qua địa bàn xã Trường Thành, An Tiến, Quốc Tuấn, Quang Hưng, Quang Trung và TT An Lão. Chiều dài 9,0 km, bề rộng mặt đường 12m.

+ Tuyến đường tỉnh: ĐT 354 chiều dài đi qua địa bàn huyện là 6,5 km, bề

rộng mặt đường là 7,5 m; đường tỉnh 357 (QL10B) chiều dài 5,5 km, bề rộng nền 9m; ĐT 362 chiều dài 14 km, bề rộng mặt đường 9m; đường tỉnh 36 (quốc lộ 10 cũ) chiều dài 9,8 km, bề rộng mặt đường 14-16m. Các tuyến ĐT 357, ĐH đã được đầu tư nâng cấp cải tạo, chất lượng đường tốt.

+ Các tuyến đường huyện: hầu hết các tuyến đường huyện có mặt cắt ngang đường từ 3,5m-5,5m gồm: ĐH 31, ĐH 33, ĐH 34, ĐH 35, ĐH 36, ĐH37, ĐH 38, ĐH 39.

Ngoài ra còn có 7,85 km tuyến đường thị trấn; các tuyến đường liên thôn, liên xã với tổng chiều dài 380,3 km, bề mặt rộng nền đường 3-5m.

- Giao thông đường thủy nội địa:

+ Sông Lạch Tray: là phần lưu của sông Văn Úc, điểm đầu là ngã ba kênh Đông, điểm cuối là của Lạch Tray, tổng chiều dài là 49 km, chiều rộng của sông từ 70-130m, sông cấp II. Đoạn sông qua địa bàn huyện An Lão có chiều dài 24,5 km. Đây là sông vận tải chủ yếu là sà lan chuyên chở vật liệu từ Hải Dương, Thái Bình về Hải Phòng.

+ Sông Văn Úc: tổng chiều dài 75 km, chiều rộng sông từ 200-600m, sông cấp II. Đoạn sông qua địa bàn huyện có chiều dài 26,655 km. Đây là sông vận tải chủ yếu là sà lan chuyên chở vật liệu từ Hải Dương, Thái Bình về Hải Phòng. Trên sông này có thể xây dựng các cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thuyền.

** Thủy lợi*

Huyện An Lão nằm đầu nguồn hệ thống thủy lợi sông Đa Độ, hệ thống sông Lạch Tray và sông Văn Úc.

- Công trình thủy lợi huyện An Lão:

+ Công trình đầu mối cống tưới chính: Cống Trung Trang;

+ Công trình đầu mối cống tiêu chính: Cống Cổ Tiểu 2; Cổ tiêu 3;

+ Hệ thống kênh cấp II, III bao gồm: kênh Bát Trang, kênh Quang Trung, kênh Khúc Giản, Kênh Vệt Khê ... các tuyến kênh bắt nguồn từ sông Đa Độ và thoát ra sông Văn Úc, sông Lạch Tray, tổng chiều dài các kênh 61,85 km.

- Hiện trạng đê sông: Hệ thống đê sông huyện An Lão gồm có:

+ Tuyến đê Hữu sông Lạch Tray: hiện tại là đê cấp 2 và cấp 4 với tổng chiều dài 22,5 km, cao trình đê từ 2,5-4,2m, bề rộng mặt đê từ 3,0-5,8m. Đê kém ổn định, nhiều đoạn chưa khép kín, nhiều cống xung yếu, kè kém ổn định và xung yếu. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình.

+ Đê tả sông Văn Úc, là tuyến đê cấp II, có chiều rộng mặt đê trung bình 4m, cao trình mặt đê trung bình + 6 m, chiều dài qua huyện 26,65 km.

** Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc*

- Nguồn điện:

Đường 35kV (lộ 357) từ trạm 110/35/6kV An Lạc đến.

Trạm trung gian An Lão 35/10kV công suất 2×3200 KVA, từ trạm trung gian có 3 lộ xuất tuyến 10kV: 971, 972 và 973.

Lộ 672 từ trạm 110/35/6(22)kV Kiến An đến cấp cho các xã Thái Sơn, An Thái, Mỹ Đức, Chiến Thắng và An Thọ.

- Lưới điện:

Lưới 35kV: Lộ 375 từ trạm 110kV An Lạc đi cấp cho các phụ tải 35/4kV của huyện An Lão, sau trạm trung gian An Lão có 3 lộ 10kV.

Lưới điện 110kV: từ trạm biến áp 220/110kV Đồng Hoà đi trạm biến áp 110/22kV Vĩnh Bảo và đi trạm biến áp 110kV Long Bôi – Thái Bình.

Lưới 220kV từ trạm biến áp 220/110kV từ trạm Đồng Hoà đi trạm biến áp 220kV Thái Bình.

Tổng số trạm biến áp tiêu thụ: 148 trạm với tổng công suất 34.250 KVA

- Bưu điện: mạng lưới bưu chính hiện tại đảm bảo chính xác, an toàn, đúng quy định trong việc chuyển phát thư, báo chí, công văn phục vụ tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Viễn thông: huyện đã thực hiện tốt việc quản lý đường dây và dịch vụ viễn thông phục vụ thông tin liên lạc. Hoàn thành di chuyển các công trình hạ tầng viễn thông phục vụ Dự án nâng cấp đường 304 và các khu tái định cư.

- Phát thanh truyền hình: công tác thông tin, tuyên truyền đạt kết quả tốt, đã có 94,15% đài truyền thanh không dây ở 16/17 xã, thị trấn. Duy trì và nâng cao chất lượng 7 chuyên mục phát thanh FM trong tuần.

** Giáo dục và đào tạo*

Toàn huyện có 75 cơ sở giáo dục (17 trường Mầm non, 15 trường Tiểu học, 13 trường THCS, 03 trường liên cấp (TH&THCS), 21 nhóm lớp mầm non độc lập, 05 trường THPT, 01 Trung tâm GDNN-GDTX) giảng dạy cho hơn 38.000 học sinh (1.101 lớp: 971 lớp MN, TH, THCS; 121 lớp THPT; 9 lớp Trung tâm GDNN-GDTX). Trường lớp được biên chế, phân bố hợp lý, thuận lợi cho việc học tập của học sinh.

** Bảo hiểm, y tế*

Ngành Y tế đã phối kết hợp với các ngành liên quan làm tốt công tác Chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; giám sát chặt chẽ không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong cộng đồng, đặc biệt là bệnh xuất huyết. Thực hiện tốt có hiệu quả các Chương trình Y tế quốc gia.

Kết quả khám chữa bệnh: Tổng số lượt người khám, điều trị tại Bệnh viện

Đa khoa huyện thực hiện: 78.063 lượt người, đạt 84% KH. Số sinh là 1.842 cháu, tăng 139 cháu so với cùng kỳ; trong đó số người sinh con thứ 3 trở lên là 379 trường hợp, tăng 67 cháu so với cùng kỳ; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 0,59%; tỷ suất sinh: 12,11‰, tăng 0,82‰ so cùng kỳ.

** Văn hóa, thể dục thể thao*

Tổ chức tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng, mừng xuân và các ngày lễ lớn. Tổ chức thành công Lễ hội truyền thống Núi Voi và Hội chợ xuân 2023 đảm bảo vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, an toàn, thiết thực, hiệu quả. Tổ chức Lễ Công bố huyện An Lão đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023, đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba, Kỷ niệm 35 năm Ngày Tái lập huyện đảm bảo trang trọng, chu đáo. Tổ chức chuỗi các hoạt động chào mừng Kỷ niệm 35 năm ngày Tái lập huyện (08/8/1988-08/8/2023) và đón bằng công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới 2022.

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

1.3.1. Thuận lợi

Huyện An Lão có vị trí địa lý khá thuận lợi là điểm chuyển giao quan trọng trong *Vòng cung công nghiệp- dịch vụ Đông Bắc - Tây Nam* của thành phố Hải Phòng, tiệm cận với nhiều loại hình vận tải đường bộ, đường thủy nội địa được hình thành từ lâu đời, là địa bàn nằm trên tuyến trục nối liền Hải Phòng với các tỉnh.

Huyện có tuyến đường ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng, Quốc lộ 10 dễ dàng hòa nhập với sự phát triển của khu vực kinh tế động lực của thành phố. Nhiều dự án lớn đang được triển khai tạo thế mạnh, mở ra nhiều cơ hội mới cho huyện như Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng QL10, dự án sân golf 98,00 ha đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương, thành phố đang chỉ đạo triển khai, dự án Khu CN Tràng Duệ mở rộng sang phía An Lão,

Điều kiện khí hậu khá điều hòa là yếu tố thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng các cây trồng, vật nuôi và chăn nuôi nhiều loại gia súc, gia cầm và thủy sản.

Kinh tế thành phố Hải Phòng đang phát triển khá toàn diện trên mọi lĩnh vực, môi trường đầu tư tương đối hấp dẫn; huyện An Lão nhờ có vai trò, vị trí đặc biệt trên Vòng cung kinh tế thành phố sẽ được thừa hưởng những điều kiện thuận lợi do nền kinh tế của thành phố mang lại.

Nhân dân huyện An Lão có truyền thống tự lực tự cường, đoàn kết, cần cù, chịu khó, ham học hỏi sáng tạo, giàu kinh nghiệm, có trình độ thâm canh cao trong sản xuất nông nghiệp..., luôn có ý thức hướng tới sản xuất hàng

hoá, từng bước loại trừ nên kinh tế tự cung tự cấp.

Được sự quan tâm, chỉ đạo Thành uỷ, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các Ban ngành, cùng đội ngũ cán bộ quản lý của huyện, cán bộ khoa học nhiệt tình trong các cơ quan năng động và có trách nhiệm.

Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, không xảy ra đột xuất, bất ngờ, không xảy ra hiện tượng đình công, ngừng việc tập thể kéo dài.

1.3.2. Khó khăn, hạn chế

Là địa phương nằm gần vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ huyện An Lão sẽ gặp phải sự cạnh tranh rất lớn trong thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là tiền đề để các doanh nghiệp của huyện tăng cường công tác quản lý, phát triển đầu tư chiều sâu và chiều rộng, tận dụng các lợi thế của mình để giảm giá thành sản phẩm.

Kinh tế An Lão tăng trưởng với tốc độ cao nhưng chưa toàn diện, chưa đồng bộ, một số lĩnh vực thiếu tính bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung và trong nội bộ từng ngành kinh tế chưa mạnh. Chưa có sự đột phá ở những ngành mũi nhọn. Chậm hình thành các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung. Khả năng thu hút đầu tư lớn cho phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn về huyện cũng còn hạn chế.

Sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, chưa tạo được nhiều vùng sản xuất hàng hóa lớn, chưa có nhiều mô hình áp dụng công nghệ cao trong sản xuất. Trình độ sản xuất của nông dân đa số còn lạc hậu, giá thành các loại sản phẩm nông nghiệp đầu ra thấp, không ổn định, đặc biệt là trong chăn nuôi do hiệu quả đầu tư thấp.

Cải cách hành chính tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn, phức tạp, đơn thư khiếu nại, tố cáo phát sinh,... Hoạt động tội phạm diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão được duyệt tại các quyết định: số 890/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão; số 2526/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão; số 4251/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của

UBND thành phố về việc bổ sung (lần 2) kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão cụ thể như sau:

2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

Bảng 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng SDD năm 2022 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)=(6)/(5)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.501,59	6.284,49	6.491,90	207,41	103,30
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.759,34	4.623,77	4.750,23	126,46	102,74
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.722,45</i>	<i>4.586,87</i>	<i>4.713,34</i>	<i>126,46</i>	<i>102,76</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	183,88	160,90	183,88	22,98	114,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,64	410,30	418,44	8,14	101,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,65	146,51	146,65	0,14	100,10
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	824,48	783,25	824,48	41,23	105,26
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	168,60	159,76	168,22	8,46	105,30
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.201,17	5.413,09	5.210,86	-202,23	96,26
2.1	Đất quốc phòng	CQP	117,21	117,54	117,21	-0,33	99,72
2.2	Đất an ninh	CAN	30,37	30,37	30,37	0,00	100,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,10	10,10	10,10		100,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	26,13	28,29	26,13	-2,16	92,36
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	325,52	348,60	329,19	-19,41	94,43
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	9,63	9,63	9,63	0,00	100,00
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.504,82	1.635,41	1.506,72	-128,69	92,13
-	Đất giao thông	DGT	772,76	809,93	774,72	-35,21	95,65
-	Đất thủy lợi	DTL	455,90	461,73	455,84	-5,89	98,72
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	14,29	14,35	14,29	-0,06	99,58
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,57	4,57	4,57		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,60	68,61	65,60	-3,01	95,62
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	9,71	91,74	9,71	-82,03	10,58
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,48	3,45	3,48	0,03	100,87
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,54	0,54	0,54	0,00	100,00
-	Đất cổ di tích lịch sử-văn hoá	DDT	1,39	1,39	1,39		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,87	7,55	7,87	0,32	104,24
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	41,21	41,35	41,21	-0,14	99,66
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	122,52	125,22	122,52	-2,70	97,84
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,63	0,63	0,63		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã	DXH	1,15	1,15	1,15		100,00

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng SDD năm 2022 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ(%)
	hội						
-	Đất chợ	DCH	3,20	3,20	3,20	0,00	100,00
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,30	11,36	1,46	-9,90	12,85
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.037,87	2.065,50	2.041,83	-23,68	98,85
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	132,43	144,71	132,43	-12,28	91,52
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,82	17,87	12,82	-5,05	71,74
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,55	0,74	0,55	-0,19	74,80
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,40	15,40	15,40	0,00	100,00
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	958,21	956,48	958,21	1,73	100,18
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,76	17,04	14,76	-2,28	86,62
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,06	4,06	4,06	0,00	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	69,76	74,95	69,76	-5,19	93,08

2.1.2. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

Đến nay, UBND huyện An Lão đã triển khai việc thu hồi đất theo kế hoạch. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến hết ngày 31/12/2023 như sau:

Bảng 02: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích thu hồi theo KH 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện thu hồi đến 31/12/2023	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	184,85	65,07	35,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA	103,1	17,26	16,74
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>103,1</i>	<i>17,26</i>	<i>16,74</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	22,81	8,81	38,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,4	6,20	73,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,14	0,14	100,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	40,23	40,23	100,00
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	8,69	8,69	100,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	20,64	13,54	65,60
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,91	1,91	48,85
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,25		
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	12,18	8,80	72,25
-	Đất giao thông	DGT	5,64	2,69	47,70
-	Đất thủy lợi	DTL	5,25	4,92	93,71
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,17	0,17	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,04		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,03		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích thu hồi theo KH 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện thu hồi đến 31/12/2023	Tỷ lệ (%)
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,60	0,60	100,00
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,45	0,42	93,33
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,95	1,00	51,28
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,83	1,83	100,00

** Thu hồi đất nông nghiệp:*

Diện tích đất nông nghiệp thu hồi năm 2023 được phê duyệt là 184,85 ha, kết quả thực hiện tính đến 31/12/2023 đã thực thu hồi được 65,07 ha, đạt 35,20% so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Thu hồi đất trồng lúa được duyệt là 103,10 ha, kết quả chưa thực hiện đã thu hồi được 17,26 ha đạt 16,74% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất trồng cây hàng năm khác được duyệt là 22,81 ha, kết quả đã thu hồi được 8,81 ha, đạt 38,62% so với kế hoạch được duyệt;

- Thu hồi đất trồng cây lâu năm được duyệt là 8,40 ha, kết quả đã thu hồi được 6,20 ha, đạt 73,81% so với kế hoạch được duyệt;

- Thu hồi đất rừng phòng hộ được duyệt là 0,14 ha; kết quả đã thu hồi được 0,14 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt;

- Thu hồi đất nuôi trồng thủy sản được duyệt là 40,23 ha, kết quả đã thu hồi 40,23 ha, đạt được 100% so với kế hoạch được duyệt;

Nguyên nhân kế hoạch thu hồi đất nông nghiệp đạt chỉ tiêu thấp so với kế hoạch đặt ra do tiến độ phân nguồn vốn đầu tư cho các dự án vẫn chưa đảm bảo tiến độ nên một số sự án chưa thực hiện.

** Thu hồi đất phi nông nghiệp:*

Diện tích đất phi nông nghiệp thu hồi năm 2023 được phê duyệt là 20,64 ha, kết quả tính đến 31/12/2023 là 13,54 ha đạt 65,60% so với kế hoạch. Cụ thể:

- Thu hồi đất thương mại, dịch vụ 3,91 ha; kết quả đã thu hồi được 1,91 ha đạt 48,85% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất phát triển hạ tầng 12,18 ha, kết quả đã thu hồi được 8,8 ha đạt 72,25% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Thu hồi đất giao thông được duyệt là 5,64 ha, kết quả đã thu hồi được 2,69 ha đạt 47,70% so với kế hoạch được duyệt.

+ Thu hồi đất thủy lợi 5,25 ha, kết quả đã thu hồi được 4,92 ha đạt 93,71% so với kế hoạch được duyệt.

+ Thu hồi đất cơ sở văn hóa 0,17 ha, kết quả đã thu hồi được 0,17 ha đạt

100% so với kế hoạch được duyệt.

+ Thu hồi đất bãi thải xử lý chất thải 0,60 ha, kết quả đã thu hồi được 0,60 ha đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

+ Thu hồi đất nghĩa trang nghĩa địa 0,45 ha, kết quả đã thu hồi được 0,42 ha đạt 93,33% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất ở tại nông thôn 1,95 ha; kết quả đã thu hồi được 1,00 ha đạt 51,28% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,83 ha; kết quả đã thu hồi được 1,83 ha đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- Các chỉ tiêu còn lại trong nhóm đất phi nông nghiệp chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kế hoạch thu hồi đất phi nông nghiệp đạt kết quả thấp do một số dự án đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để thực hiện dự án; vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng.

2.1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Đến nay, UBND huyện An Lão đã triển khai việc chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến hết 31/12/2023 như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng CMD được duyệt năm 2023 (ha)	Diện tích đã CMD (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)=(5)}{(4)*100}$
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	211,83	9,69	4,57
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	130,08	9,11	7,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	130,08	9,11	7,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	22,81		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	8,4	0,20	2,38
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,14		
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	41,56		
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	8,84	0,38	4,30
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,18	0,26	8,18

a. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

- Đất trồng nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 211,83 ha, kết quả thực hiện được 9,69 ha, đạt 4,57% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 130,08 ha, kết quả thực hiện 9,11 ha, đạt 7,00% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 22,81 ha, chưa thực hiện được theo kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 8,40 ha, kết quả thực hiện 0,20 ha, đạt 2,38% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 0,14 ha, chưa thực hiện được theo kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 41,56 ha, chưa thực hiện được theo kế hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 8,84 ha, kết quả thực hiện 0,38 ha, đạt 4,30% so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đạt kết quả thấp do tiến độ phân nguồn vốn đầu tư cho các dự án vẫn chưa đảm bảo tiến độ. Bên cạnh đó một số dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng và thủ tục chuyển mục đích, giao đất, cho thuê đất.

b. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Kế hoạch phê duyệt chuyển mục đích là 3,18 ha, kết quả thực hiện 0,26 ha, đạt 8,18% so với kế hoạch được duyệt.

2.1.4. Đánh giá kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 được phê duyệt là 1,21 ha, chưa thực hiện được theo kế hoạch được duyệt.

2.1.5. Đánh giá việc triển khai thực hiện các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão được phê duyệt là **50 công trình** (trong đó: 30 công trình được phê duyệt Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão; 12 công trình được phê duyệt tại Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND thành phố

về việc phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện An Lão; 08 công trình được phê duyệt tại Quyết định số 4251/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt bổ sung (đợt 2) Kế hoạch sử dụng đất năm 2023). Kết quả thực hiện đến 31/12/2023 trên địa bàn huyện An Lão như sau:

- 04/50 công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục giao đất (Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thạch Lưu (điểm 1); Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hải Phòng Sakura Golf Club; Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại vị trí đã GPMB thuộc khu tái định cư dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Dự án Xây dựng Kho, xưởng sản xuất, gia công giày dép đế nhựa EVA tại xã Mỹ Đức, huyện An Lão) với diện tích 6,85 ha, đạt 8,0% so với kế hoạch được duyệt.

- 01/50 công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục cho thuê đất (đợt 1) (Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản của Công ty TNHH Chinh Thái) với diện tích 3,67 ha; diện tích còn lại không chuyển tiếp sang năm 2024.

- 45/50 công trình dự án chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2024 (trong đó có 12 công trình dự án đã thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng chuyển tiếp để hoàn thành hồ sơ giao đất với diện tích 86,30 ha).

Bảng 04: Đánh giá danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 huyện An Lão

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
A	Các danh mục, công trình được duyệt theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thành phố								
1	Trận địa tên lửa của Tiểu đoàn 82 thuộc Sư đoàn 363 Quân chủng Phòng không - Không quân	UBND huyện	Xã Mỹ Đức	0,33		0,33			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua Khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	UBND huyện Kiến Thụy	Xã An Thọ, Mỹ Đức	10,92		8,54		2,38	Chuyển tiếp, giảm diện tích còn 8,54 ha, sửa loại đất lấy vào, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
3	Dự án quần thể sân golf Hải Phòng Sakura Golf Club tại xã Trường Thành, xã An Tiến - huyện An Lão	Công ty TNHH HP Sakura Golf Club	Xã An Tiến, Trường Thành	82,03			48,87	33,16	Chuyển tiếp, đã GPMB xong 48,87 ha
4	Dự án phục dựng và mở rộng chùa Long Hoa tại xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Hội Phật giáo Hải Phòng	Xã Trường Thành	7,43	7,29	0,14			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
5	Dự án đầu tư mở rộng, cải tạo bãi chôn lấp rác tạm xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện An Lão	xã Tân Dân	1,34		1,34			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
6	Mở rộng khuôn viên xây mới 02 phòng chức năng Trường mầm non trung tâm xã Tân Viên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện An Lão	xã Tân Viên	0,36		0,36			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
7	Khu đô thị mới Hoàng Xá thị trấn An Lão, thành phố Hải	Liên danh An Phúc - BĐS Mỹ	TT An Lão	34,86				34,86	Chuyển tiếp, chưa thực hiện

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
8	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Vị Xuyên	UBND huyện	Xã Tân Dân	0,44		0,44			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Đại Hoàng 4	UBND huyện	Xã Tân Dân	0,10		0,10			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
10	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Ngọc Chủ 2	UBND huyện	Xã Trường Thọ	0,48		0,48			Chuyển tiếp, đã thu hồi đất, còn một số hộ chưa đồng thuận về giá đất
11	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thạch Lựu (điểm 1)	UBND huyện	Xã An Thái	0,47	0,43			0,04	Đã thực hiện 0,43 ha (đã giao đất tại QĐ số 2621/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND TP)
12	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản	Công ty TNHH Chính Thái	xã Tân Viên	4,63	3,67			0,96	Đã thực hiện 3,67 ha (đã cho thuê đất tại QĐ số 1641/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND TP); diện tích còn lại không chuyển tiếp
13	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hải Phòng Sakura Golf Club	UBND huyện	Xã Trường Thành	3,60	3,40			0,20	Đã thực hiện 3,4 ha (đã giao đất tại QĐ số 1491/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND TP)
14	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang Đồng Chợ	UBND huyện An Lão	Xã Trường Thành	3,15		3,15			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
15	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Đâu Kiên, xã Quốc Tuấn	UBND huyện	Xã Quốc Tuấn	0,38			0,38		Chuyển tiếp (đang thu hồi đất)
16	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Quyết Tiến 3	UBND huyện	Xã An Thắng	0,09			0,09		Chuyển tiếp (đang thu hồi đất)
17	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thượng Trang 1	UBND huyện	Xã Bát Trang	0,30			0,30		Chuyển tiếp (đang thu hồi đất)
18	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thượng Trang 2	UBND huyện	Xã Bát Trang	0,26			0,26		Chuyển tiếp (đang thu hồi đất)
19	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại vị trí đã GPMB thuộc khu tái định cư dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	UBND huyện	Xã Quốc Tuấn	2,56	2,52			0,04	Đã thực hiện 2,52 ha (đã giao đất tại QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND TP)
20	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê mới thay thế đê Hữu Lạch Tray đoạn từ Km14+350 đến Km16+100, huyện An Lão	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Xã Trường Thành, An Tiến	17,13		17,13			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
21	Dự án xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	UBND huyện An Lão	Xã Quang Trung	1,19		1,19			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất
22	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (Giai đoạn 2)	UBND huyện An Lão	Xã An Tiến	0,47		0,47			Chuyển tiếp, đã thu hồi, GPMB, phục vụ giao đất

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
23	Dự án xây dựng Trạm thủy văn Trung Trang thuộc Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc	UBND huyện An Lão	Xã Quang Hưng	0,08				0,08	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
24	Khu tái định cư 08 hộ dân bị sạt lở khu vực Đò Quán và đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích làm nhà ở tại thôn Quán Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	UBND huyện An Lão	Xã Bát Trang	0,23			0,23		Chuyển tiếp (đang thu hồi đất)
25	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất gia công giày xuất khẩu tại xã Tân Dân	Hợp tác xã Sản Xuất và Thương mại Đức Minh	xã Tân Dân	5,00				5,00	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
26	Xây dựng mới trường THCS Quang Trung	UBND huyện	xã Quang Trung	1,50				1,50	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
27	Dự án xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão	Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng	xã Quốc Tuấn	0,30				0,30	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
28	Dự án đầu tư xây dựng của hàng kinh doanh xăng dầu, trạm dừng nghỉ, sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô, cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại xã Quốc Tuấn	Công ty TNHH Thương mại xây dựng và xăng dầu Đức Minh	xã Quốc Tuấn	1,20				1,20	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
29	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trạm dừng nghỉ, sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô	Hợp tác xã Sản xuất và thương mại An Tiến	Xã An Tiến	2,00				2,00	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
30	Dự án sản xuất bao bì giấy các loại	Công ty Cổ phần Đầu tư Quang Phú	xã An Thái	5,00				5,00	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); giảm diện tích
	Tổng cộng A = 30 công trình			187,83					
B	Các danh mục, công trình được duyệt theo Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND thành phố								

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
1	Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã An Tiến, huyện An Lão	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã An Tiến	9,80				9,80	Chuyển tiếp (đang trình thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư)
2	Dự án Khu đô thị mới tại thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng, huyện An Lão	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng	34,22				34,22	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
3	Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Thọ	Công ty cổ phần đầu tư An Thọ	Xã An Thọ	49,94				49,94	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
4	Dự án xây dựng kho xưởng; thương mại, dịch vụ Logistic tại xã Chiến Thắng	Công ty Cổ phần Công nghiệp Đăng Cảnh	Xã Chiến Thắng	1,65				1,65	Chuyển tiếp (chưa thực hiện); giảm diện tích
5	Dự án xây dựng nhà xưởng và nhà kho phục vụ sản xuất các mặt hàng may mặc, dây da, bao bì, dây đai, dây buộc và các loại dây khác	Công ty Cổ phần Phát triển công nghiệp Đăng Quang	Xã Mỹ Đức	5,39				5,39	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
6	Dự án xây dựng nhà xưởng và nhà kho phục vụ sản xuất các mặt hàng may mặc, dây da, bao bì, dây đai, dây buộc và các loại dây khác	Công ty Cổ phần Phát triển công nghiệp Đăng Quang	Xã Mỹ Đức	4,60				4,60	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
7	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất sơ mi rô mooc, kết cấu thép, công nghiệp nhựa và kho bãi	Công ty Cổ phần thương mại cơ khí chế tạo Minh Anh	Xã Quang Hưng	4,40				4,40	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
8	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì xuất khẩu tại xã Tân Viên	Công ty Cổ phần xây dựng Smart Building Việt Nam	Xã Tân Viên	1,50				1,50	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
9	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất cơ khí, bao bì và kho bãi	Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Minh Thành	Xã Tân Viên	4,00				4,00	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
10	Dự án Xây dựng Kho, xưởng sản xuất, gia công giày dép đế nhựa EVA tại xã Mỹ Đức, huyện An Lão	Ông Trương Công Minh	Xã Mỹ Đức	0,50	0,50				Đã thực hiện 0,5 ha (đã giao đất tại QĐ số 3329/QĐ-UBND ngày 17/10/2023)
11	Dự án đầu tư xây dựng xưởng đóng mới và sửa chữa tàu thủy tại xã Quang Trung, huyện An Lão	Công ty TNHH Hải Hào	Xã Quang Trung	3,90		3,90			Chuyển tiếp (đã thu hồi, GPMB)
12	Dự án đấu giá cơ sở tài sản nhà, đất là Trụ sở cũ của Chi cục thuế (số mới 01 Trần Tất Văn) và Khu đoàn thể cũ (số 03 Trần Tất Văn), thị trấn An Lão	UBND huyện An Lão	Thị trấn An Lão	0,09				0,09	Chuyển tiếp (chưa thực hiện)
	Tổng cộng B = 12 công trình			119,99					
C	Các danh mục, công trình được duyệt theo Quyết định số 4251/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 (lần 2)								
1	Dự án dịch vụ ăn uống, vui chơi; Xây dựng nhà kho, bãi tập kết phương tiện, hàng hóa tại xã Mỹ Đức, huyện An Lão	Công ty TNHH Xây dựng Quang Thắng	xã Mỹ Đức	0,85				0,85	Chuyển tiếp (đang xin chủ trương đầu tư)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích kế hoạch (ha)	Đánh giá kết quả				Ghi chú
					DT đã thực hiện (ha)	DT đã thu hồi nhưng chưa làm thủ tục (ha)	Đang thực hiện (ha)	Chưa thực hiện (ha)	
2	Dự án sản xuất in ấn bao bì đóng gói từ giấy, sản xuất các sản phẩm từ nhựa plastic, lắp giáp linh kiện điện tử, gia công giấy sóng	Công ty TNHH Thương mại Quốc Tế Zoka	xã Quốc Tuấn	5,00				5,00	Chuyển tiếp (đang xin chủ trương đầu tư)
3	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất may mặc, giày dép các loại tại thôn Trung Thanh Lang 1, xã An Thái, huyện An Lão	Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Nguyễn Đức Minh Đăng	xã An Thái	2,00				2,00	Chuyển tiếp
4	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Trung Thanh Lang, xã An Thái	Ban Quản lý dự án đầu tư huyện	xã An Thái	0,31				0,31	Chuyển tiếp
5	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Độc Lập, xã An Thọ	Ban Quản lý dự án đầu tư huyện	xã An Thọ	0,23				0,23	Chuyển tiếp
6	Khu đô thị mới tại xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật	xã Quốc Tuấn	32,15				32,15	Chuyển tiếp
7	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại các xã An Tiến, xã An Thắng huyện An Lão	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật	xã An Tiến, xã An Thắng	22,65				22,65	Chuyển tiếp
8	Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công bao bì và chỉ may tại xã Tân Dân, huyện An Lão.	Công ty TNHH Bao bì Liên Hoàn Phát	xã Tân Dân	1,60				1,60	Chuyển tiếp
	Tổng cộng C = 8 công trình			64,79					
	Tổng cộng A+B+C = 50 công trình			372,61					

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

2.2.1. Ưu điểm

Trong năm qua, được sự quan tâm, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường, cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp đã tạo điều kiện cho ngành Tài nguyên và Môi trường tháo gỡ được nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, đặc biệt là công tác lập và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện thể hiện ở các mặt sau:

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực.
- Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 làm cơ sở pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện.
- Huyện đã đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, trong đó tập trung cao tháo gỡ một số vướng mắc, khó khăn.

2.2.2. Tồn tại

- Thời gian phê duyệt kế hoạch sử dụng đất chưa kịp thời (đến 05/4/2023 UBND thành phố mới phê duyệt và trong năm 2023 phê duyệt bổ sung đợt 1 vào ngày 21/8/2023 và đợt 2 vào ngày 08/12/2023), do đó thời gian thực hiện kế hoạch rất ngắn đã phải lập kế hoạch sử dụng đất cho năm tiếp theo (quý III đã phải nộp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định) dẫn đến kết quả thực hiện chưa cao.

- Tiến độ thực hiện một số dự án, công trình trọng điểm còn chậm, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, các dự án dự kiến thực hiện theo phương thức khai thác quỹ đất bị chậm hoặc không thực hiện được so với kế hoạch đề ra.

- Một số dự án đã và đang thực hiện xây dựng nhưng vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- Nguồn vốn đầu tư cho phát triển còn hạn chế, bị động, chưa có nguồn vốn để tạo mặt bằng đất sạch để thu hút các nhà đầu tư, chưa xây dựng hạ tầng đồng bộ bán đấu giá quyền sử dụng đất ở để tạo nguồn thu cho ngân sách,...

- Công tác GPMB dự án sân Golf còn chậm; đơn thư khiếu nại, tố cáo nhất là về đất đai vẫn còn. Công tác quản lý nhà nước, quản lý đất đai của một số xã, thị trấn còn hạn chế. Công tác phối kết hợp giữa các phòng, ban, ngành và các xã, thị trấn trong thực hiện nhiệm vụ hiệu quả có lúc còn chưa cao; công tác tham mưu của một số phòng, ban, cán bộ, công chức đôi khi chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới...

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

* Nguyên nhân khách quan

- Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có một số dự án đã giải phóng mặt bằng xong nhưng chưa làm thủ tục giao đất như: Trận địa tên lửa của Tiểu đoàn 82 thuộc Sư đoàn 363 Quân chủng Phòng không - Không quân; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê mới thay thế đê Hữu Lạch Tray đoạn từ Km14+350 đến Km16+100, huyện An Lão; Dự án xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng),...

- Một số dự án có quy mô lớn như *Dự án Khu đô thị mới tại thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng, huyện An Lão 34,22 ha; Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã An Tiến 9,8 ha; Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Thọ 49,94 ha; hu đô thị mới tại xã Quốc Tuấn, huyện An Lão 32,15 ha; Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại các xã An Tiến, xã An Thắng 22,65 ha;*... được UBND thành phố phê duyệt bổ sung đợt 1 (tháng 8/2023) và đợt 2 (tháng 12/2023), đến nay đang hoàn thiện thủ tục thực hiện như xin chấp thuận chủ trương đầu tư, xác định nguồn gốc đất lúa,... nên ảnh hưởng kết quả chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2023.

- Dự án sân golf Hải Phòng - Sakura có quy mô lớn, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2017 triển khai trên địa bàn huyện An Lão, tuy nhiên còn gặp khó khăn đối với đất thổ cư và đất bãi ven đê do trong quá trình rà soát đối với các thửa đất thổ cư, một số trường hợp chủ hộ không hợp tác trong công tác giải phóng mặt bằng, cố tình vắng mặt tại địa phương, cơ quan chức năng hoàn chỉnh hồ sơ, lên phương án hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, đồng thời thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu,...

* Nguyên nhân chủ quan:

- Lãnh đạo một số xã chưa chủ động thực hiện các công trình mà cấp xã đã đăng ký thực hiện.

- Nguồn vốn để thực hiện các công trình theo kế hoạch sử dụng đất gặp khó khăn nhất là nguồn vốn xây dựng các công trình công cộng.

- Một số công trình, dự án đầu tư lập hồ sơ đất đai chậm, một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, hoặc thiếu kinh phí bồi thường để giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất (Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh trong năm 2024)

Hiện nay, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng chưa được Chính phủ phê duyệt, do đó chưa có chỉ tiêu phân bổ kế hoạch sử dụng đất cho các quận, huyện. Việc đánh giá chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão so với chỉ tiêu phân bổ của thành phố sẽ được đánh giá khi được UBND thành phố phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất (Xác định nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện)

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất 2023 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất 2024 là 45 công trình với diện tích 350,08 ha. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: 0,33 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án Trộn địa tên lửa của Tiểu đoàn 82 thuộc Sư đoàn 363 Quân chủng Phòng không - Không quân);

- Đất cụm công nghiệp: 49,94 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Thọ);

- Đất giao thông: 8,54 ha để thực hiện 01 dự án (Đầu tư xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua Khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy);

- Đất thủy lợi: 17,13 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê mới thay thế đê Hữu Lạch Tray đoạn từ Km14+350 đến Km16+100, huyện An Lão);

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: 1,86 ha để thực hiện 02 dự án (Dự án Mở rộng khuôn viên xây mới 02 phòng chức năng Trường mầm non trung tâm xã Tân Viên và Xây dựng mới trường THCS Quang Trung);

- Đất cơ sở thể dục – thể thao: 82,03 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án quần thể sân Golf Hải Phòng Sakura Golf Club);

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,96 ha để thực hiện 03 dự án (Dự án xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; Dự án xây dựng trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (Giai đoạn 2); Dự án xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão.

- Đất xây dựng công trình cơ sở sự nghiệp: 0,08 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án xây dựng Trạm thủy văn Trung Trang thuộc Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc);

- Đất công trình cơ sở tôn giáo: 0,14 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án phục dựng và mở rộng chùa Long Hoa tại xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng);

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 1,34 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án đầu tư mở rộng, cải tạo bãi chôn lấp rác tạm xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng);

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 41,68 ha để thực hiện 11 dự án (Dự án xây dựng nhà máy sản xuất gia công giầy xuất khẩu tại xã Tân Dân; Dự án sản xuất bao bì giấy các loại xã An Thái; Dự án xây dựng nhà xưởng và nhà kho phục vụ sản xuất các mặt hàng may mặc, da, bao bì, dây đai, dây buộc và các loại dây khác xã Mỹ Đức;...);

- Đất thương mại – dịch vụ: 5,40 ha để thực hiện 05 dự án (Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trạm dừng nghỉ, sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô, cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại xã Quốc Tuấn; Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trạm dừng nghỉ, sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô xã An Tiến; Dự án xây dựng kho xưởng; thương mại, dịch vụ Logistic tại xã Chiến Thắng; Dự án đấu giá cơ sở tài sản nhà, đất là Trụ sở cũ của Chi cục thuế (số mới 01 Trần Tất Văn) và Khu đoàn thể cũ (số 03 Trần Tất Văn), thị trấn An Lão; Dự án dịch vụ ăn uống, vui chơi; Xây dựng nhà kho, bãi tập kết phương tiện, hàng hóa tại xã Mỹ Đức, huyện An Lão);

- Đất ở tại đô thị: 34,86 ha để thực hiện 01 dự án (Dự án khu nhà ở đô thị Hoàng Xá);

- Đất ở tại nông thôn: 101,73 ha để thực hiện 14 dự án (Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Vị Xuyên xã Tân Dân; Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Đại Hoàng 4 xã Tân Dân; Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã An Tiến; Dự án Khu đô thị mới tại thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng; Khu đô thị mới tại xã Quốc Tuấn, huyện An Lão; Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại các xã An Tiến, xã An Thắng huyện An Lão;...).

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 3,15 ha để thực hiện 1 dự án (Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang Đồng Chợ).

(Chi tiết tại Biểu 10/CH. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện An Lão, thành phố Hải Phòng)

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (Xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện)

Tổng số công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 01 công trình, dự án với diện tích 5,60 ha. Cụ thể như sau:

- Đất thương mại dịch vụ: 5,6 ha để thực hiện 01 dự án (Sử dụng đất vào mục đích thương mại dịch vụ theo quy hoạch được duyệt xã Quang Trung).

(Chi tiết tại Biểu 10/CH. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện An Lão, thành phố Hải Phòng)

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Bảng 05: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		Tăng (+), giảm (-) ha
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		11.772,53	100	11.772,53	100	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.491,90	55,14	6.177,21	52,47	-314,69
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.750,23	40,35	4.533,00	38,50	-217,23
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.713,34</i>	<i>40,04</i>	<i>4.496,11</i>	<i>38,19</i>	<i>-217,23</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	183,88	1,56	157,82	1,34	-26,06
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,44	3,55	404,53	3,44	-13,91
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,65	1,25	146,51	1,24	-0,14
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	824,48	7,00	776,06	6,59	-48,42
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	168,22	1,43	159,29	1,35	-8,93
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.210,86	44,26	5.526,76	46,95	315,90
2.1	Đất quốc phòng	CQP	117,21	1,00	117,54	1,00	0,33
2.2	Đất an ninh	CAN	30,37	0,26	30,37	0,26	
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,10	0,09	60,04	0,51	49,94
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	26,13	0,22	31,14	0,26	5,01
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	329,19	2,80	371,58	3,16	42,39
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	9,63	0,08	9,63	0,08	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.506,72	12,80	1.647,21	13,99	140,49
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>774,72</i>	<i>6,58</i>	<i>817,74</i>	<i>6,95</i>	<i>43,02</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>455,84</i>	<i>3,87</i>	<i>460,41</i>	<i>3,91</i>	<i>4,57</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>14,29</i>	<i>0,12</i>	<i>14,73</i>	<i>0,13</i>	<i>0,44</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,57</i>	<i>0,04</i>	<i>4,67</i>	<i>0,04</i>	<i>0,10</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,60</i>	<i>0,56</i>	<i>71,44</i>	<i>0,61</i>	<i>5,84</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>9,71</i>	<i>0,08</i>	<i>92,73</i>	<i>0,79</i>	<i>83,02</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,48</i>	<i>0,03</i>	<i>3,45</i>	<i>0,03</i>	<i>-0,03</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,54</i>	<i>0,00</i>	<i>0,54</i>	<i>0,00</i>	
-	<i>Đất di tích</i>	<i>DDT</i>	<i>1,39</i>	<i>0,01</i>	<i>1,39</i>	<i>0,01</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>7,87</i>	<i>0,07</i>	<i>8,61</i>	<i>0,07</i>	<i>0,74</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>41,21</i>	<i>0,35</i>	<i>41,35</i>	<i>0,35</i>	<i>0,14</i>
-	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>122,52</i>	<i>1,04</i>	<i>125,17</i>	<i>1,06</i>	<i>2,65</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		Tăng (+), giảm (-) ha
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,63	0,01	0,63	0,01	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,15	0,01	1,15	0,01	
-	Đất chợ	DCH	3,20	0,03	3,20	0,03	
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,46	0,01	24,15	0,21	22,69
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.041,83	17,34	2.077,30	17,65	35,47
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	132,43	1,12	144,65	1,23	12,22
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,82	0,11	18,08	0,15	5,26
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,55	0,00	0,63	0,01	0,08
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,40	0,13	15,40	0,13	
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	958,21	8,14	956,38	8,12	-1,83
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,76	0,13	18,61	0,16	3,85
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,06	0,03	4,06	0,03	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	69,76	0,59	68,55	0,58	-1,21

a. Đất nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 6491,9 ha. Đến năm 2024 diện tích đất nông nghiệp thực giảm 314,69 ha so với năm 2023.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 6.177,21 ha, chiếm 52,47% diện tích đất tự nhiên. Chi tiết biến động các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

* Đất trồng lúa:

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 4750,23 ha. Đến năm 2024 diện tích đất trồng lúa thực giảm 217,23 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 217,23 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất quốc phòng 0,33 ha.

Đất cụm công nghiệp 43,66 ha.

Đất thương mại, dịch vụ 6,92 ha.

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 37,08 ha.

Đất giao thông 48,84 ha.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,49 ha.

Đất xây dựng cơ sở y tế 0,1 ha.

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 5,21 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 5,24 ha.

Đất bãi thải, xử lý chất thải 1,34 ha.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 3,15 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 13,22 ha.

Đất ở tại nông thôn 31,33 ha.

Đất ở tại đô thị 12,07 ha.

Đất xây dựng trụ sở cơ quan 5,08 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 3,17 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất trồng lúa là 4533,00 ha, chiếm 38,5% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất trồng cây hàng năm khác:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 183,88 ha. Đến năm 2024 diện tích đất trồng cây hàng năm khác thực giảm 26,06 ha so với năm 2023.

Trong đó:

- Giảm 26,06 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cụm công nghiệp 2,94 ha.

Đất giao thông 0,31 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 22,81 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 157,82 ha, chiếm 1,34% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất trồng cây lâu năm:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 418,44 ha. Đến năm 2024 diện tích đất trồng cây lâu năm thực giảm 13,91 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 13,91 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cụm công nghiệp 0,31 ha.

Đất thương mại, dịch vụ 0,59 ha.

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4,53 ha.

Đất giao thông 0,17 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 8 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,3 ha.

Đất ở tại nông thôn 0,16 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất trồng cây lâu năm là 404,53 ha, chiếm 3,44% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất rừng phòng hộ:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của thành phố là 146,65 ha. Đến năm 2024 diện tích đất rừng phòng hộ thực giảm 0,14 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 0,14 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cơ sở tôn giáo 0,14 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất rừng phòng hộ là 146,51 ha, chiếm 1,24% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất nuôi trồng thủy sản:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 824,48 ha. Đến năm 2024 diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực giảm 48,42 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 48,42 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cụm công nghiệp 2,34 ha.

Đất thương mại, dịch vụ 0,5 ha.

Đất giao thông 2,76 ha.

Đất thủy lợi 11,06 ha.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,12 ha.

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,6 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 21,17 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 7,77 ha.

Đất ở tại nông thôn 1,82 ha.

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,08 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 0,2 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 776,06 ha, chiếm 6,59% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất nông nghiệp khác:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 168,22 ha. Đến năm 2024 diện tích đất nông nghiệp khác thực giảm 8,93 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 8,93 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cụm công nghiệp 0,09 ha.

Đất giao thông 0,05 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 8,69 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,05 ha.

Đất ở tại nông thôn 0,05 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất nông nghiệp khác là 159,29 ha, chiếm 1,35% diện tích đất tự nhiên.

b. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 5210,86 ha. Đến năm 2024 diện tích đất phi nông nghiệp thực tăng 315,90 ha so với năm 2023.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất phi nông nghiệp là 5.526,76 ha, chiếm 46,95% diện tích đất tự nhiên. Chi tiết biến động các loại đất trong nhóm

đất phi nông nghiệp như sau:

*** Đất quốc phòng:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 117,21 ha. Đến năm 2024 diện tích đất quốc phòng thực tăng 0,33 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Tăng 0,33 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 0,33 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất quốc phòng là 117,54 ha, chiếm 1,0% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất an ninh:**

Diện tích đất an ninh đến năm 2024 là 30,37 ha, không có biến động so với diện tích năm 2023.

*** Đất cụm công nghiệp:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 10,1 ha. Đến năm 2024 diện tích đất cụm công nghiệp thực tăng 49,94 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Tăng 49,94 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 43,66 ha.

Đất trồng cây hàng năm khác 2,94 ha.

Đất trồng cây lâu năm 0,31 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 2,34 ha.

Đất nông nghiệp khác 0,09 ha.

Đất giao thông 0,5 ha.

Đất thủy lợi 0,1 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất cụm công nghiệp là 60,04 ha, chiếm 0,51% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất thương mại, dịch vụ:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 26,13 ha. Đến năm 2024 diện tích đất thương mại dịch vụ thực tăng 5,01 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 3,91 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 3,91 ha.

- Tăng 8,92 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 6,92 ha.

Đất trồng cây lâu năm 0,59 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 0,5 ha.

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,25 ha.

Đất giao thông 0,32 ha.

Đất thủy lợi 0,05 ha.

Đất ở tại nông thôn 0,2 ha.

Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,09 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất thương mại dịch vụ là 31,14 ha, chiếm 0,26% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 329,19 ha. Đến năm 2024 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực tăng 42,39 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Giảm 0,25 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất thương mại, dịch vụ 0,25 ha.

- Tăng 42,64 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 37,08 ha.

Đất trồng cây lâu năm 4,53 ha.

Đất giao thông 0,89 ha.

Đất thủy lợi 0,13 ha.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,01 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 371,58 ha, chiếm 3,16% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng:**

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng năm 2024 là 9,63 ha; không có biến động so với diện tích năm 2023.

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 1.506,72 ha. Đến năm 2024 diện tích đất phát triển hạ tầng thực tăng 140,49 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Đất giao thông:

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 774,72 ha. Đến năm 2024 diện tích đất giao thông thực tăng 43,02 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 10,33 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cụm công nghiệp 0,5 ha.

Đất thương mại, dịch vụ 0,32 ha.

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,89 ha.

Đất thủy lợi 0,14 ha.

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,07 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 2,54 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,99 ha.

Đất ở tại nông thôn 4,11 ha.

Đất ở tại đô thị 0,15 ha.

Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 0,6 ha.

+ Tăng 53,35 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 48,84 ha.

Đất trồng cây hàng năm khác 0,31 ha.

Đất trồng cây lâu năm 0,17 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 2,76 ha.

Đất nông nghiệp khác 0,05 ha.

Đất thủy lợi 0,99 ha.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,04 ha.

Đất ở tại nông thôn 0,19 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất giao thông là 817,74 ha, chiếm 6,95% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất thủy lợi:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 455,84 ha. Đến năm 2024 diện tích đất thủy lợi thực tăng 4,57 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 6,83 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cụm công nghiệp 0,1 ha.

Đất thương mại, dịch vụ 0,05 ha.

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,13 ha.

Đất giao thông 0,99 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 4,83 ha.

Đất ở tại nông thôn 0,25 ha.

Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 0,4 ha.

+ Tăng 11,4 ha do lấy từ các loại đất:

Đất nuôi trồng thủy sản 11,06 ha.

Đất giao thông 0,14 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 0,2 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất thủy lợi là 460,41 ha, chiếm 3,91% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 14,29 ha. Đến năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa thực tăng 0,44 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 0,17 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,17 ha.

+ Tăng 0,61 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 0,49 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 0,12 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 14,73 ha, chiếm 0,13% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 4,57 ha. Đến năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế thực tăng 0,1 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Tăng 0,1 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 0,1 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 4,67 ha, chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 65,6 ha. Đến năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo thực tăng 5,84 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 0,04 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất ở tại nông thôn 0,04 ha.

+ Tăng 5,88 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 5,21 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 0,6 ha.

Đất giao thông 0,07 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 71,44 ha, chiếm 0,61% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất cơ sở thể dục thể thao:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 9,71 ha. Đến năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao thực tăng 83,02 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Tăng 83,02 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 5,24 ha.

Đất trồng cây hàng năm khác 22,81 ha.

Đất trồng cây lâu năm 8 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 21,17 ha.

Đất nông nghiệp khác 8,69 ha.

Đất thương mại, dịch vụ 3,91 ha.

Đất giao thông 2,54 ha.

Đất thủy lợi 4,83 ha.

Đất bãi thải, xử lý chất thải 0,6 ha.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,42 ha.

Đất ở tại nông thôn 1,75 ha.

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,83 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha.

Đất bằng chưa sử dụng 1,21 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 92,73 ha, chiếm 0,79% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất công trình năng lượng:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 3,48 ha. Đến năm 2024 diện tích đất công trình năng lượng thực giảm 0,03 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,03 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất công trình năng lượng là 3,45 ha, chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất công trình bưu chính, viễn thông:*

Diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông đến năm 2024 là 0,54 ha, không biến động so với diện tích năm 2023.

- *Đất có di tích lịch sử văn hóa*

Diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa đến năm 2024 là 1,39 ha, không biến động so với diện tích năm 2023.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 7,87 ha. Đến năm 2024 diện tích đất bãi thải xử lý chất thải thực tăng 0,74 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 0,6 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,6 ha.

+ Tăng 1,34 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 1,34 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất bãi thải xử lý chất thải là 8,61 ha, chiếm 0,07% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất cơ sở tôn giáo:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 41,21 ha. Đến năm 2024 diện tích đất cơ sở tôn giáo thực tăng 0,14 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Tăng 0,14 ha do lấy từ các loại đất:

Đất rừng phòng hộ 0,14 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất cơ sở tôn giáo là 41,35 ha, chiếm 0,35% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 122,52 ha. Đến năm 2024 diện tích đất nghĩa trang nghĩa địa thực tăng 2,65 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 0,5 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha.

Đất giao thông 0,04 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,42 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,03 ha.

+ Tăng 3,15 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 3,15 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất nghĩa trang nghĩa địa là 125,17 ha, chiếm 1,06% diện tích đất tự nhiên.

- *Đất công trình công cộng khác:*

Diện tích đất công trình công cộng khác năm 2024 là 0,63 ha; không có biến động so với năm 2023.

- *Đất cơ sở dịch vụ xã hội:*

Diện tích đất cơ sở dịch vụ xã hội năm 2024 là 1,15 ha; không có biến động so với năm 2023.

- *Đất chợ:*

Diện tích đất chợ năm 2024 là 3,20 ha; không có biến động so với năm 2023.

*** Đất khu vui chơi giải trí công cộng:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 1,46 ha. Đến năm 2024 diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng thực tăng 22,69 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Tăng 22,69 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 13,22 ha.

Đất trồng cây lâu năm 0,3 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 7,77 ha.

Đất nông nghiệp khác 0,05 ha.

Đất giao thông 0,99 ha.

Đất công trình năng lượng 0,03 ha.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,03 ha.

Đất có mặt nước chuyên dùng 0,3 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 24,15 ha, chiếm 0,21% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất ở tại nông thôn:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 2041,83 ha. Đến năm 2024 diện tích đất ở tại nông thôn thực tăng 35,47 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 2,14 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất thương mại, dịch vụ 0,2 ha.

Đất giao thông 0,19 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 1,75 ha.

+ Tăng 37,61 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 31,33 ha.

Đất trồng cây lâu năm 0,01 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 1,82 ha.

Đất nông nghiệp khác 0,05 ha.

Đất giao thông 4,11 ha.

Đất thủy lợi 0,25 ha.

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,04 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất ở tại nông thôn là 2077,30 ha, chiếm 17,65% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất ở tại đô thị**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 132,43 ha. Đến năm 2024 diện tích đất ở tại đô thị thực tăng 12,22 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Tăng 12,22 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 12,07 ha.

Đất giao thông 0,15 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất ở tại đô thị là 144,65 ha, chiếm

1,23% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 12,82 ha. Đến năm 2024 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thực tăng 5,26 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 0,09 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất thương mại, dịch vụ 0,09 ha.

+ Tăng 5,35 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 5,08 ha.

Đất giao thông 0,02 ha.

Đất thủy lợi 0,08 ha.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,17 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 18,08 ha, chiếm 0,15% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 0,55 ha. Đến năm 2024 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp thực tăng 0,08 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Tăng 0,08 ha do lấy từ các loại đất:

Đất nuôi trồng thủy sản 0,08 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,63 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng:**

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2024 là 15,40 ha, không biến động so với diện tích năm 2023.

*** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 958,21 ha. Đến năm 2024 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thực giảm 1,83 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 1,83 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 1,83 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 956,38 ha, chiếm 8,12% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất có mặt nước chuyên dùng:**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 14,76 ha. Đến năm 2024 diện tích đất có mặt nước chuyên dùng thực tăng 3,85 ha so với năm 2023.

Trong đó:

+ Giảm 0,52 ha do chuyển sang các loại đất:

Đất thủy lợi 0,2 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,02 ha.

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,3 ha.

+ Tăng 4,37 ha do lấy từ các loại đất:

Đất trồng lúa 3,17 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản 0,2 ha.

Đất giao thông 0,6 ha.

Đất thủy lợi 0,4 ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 18,61 ha, chiếm 0,16% diện tích đất tự nhiên.

*** Đất phi nông nghiệp khác:**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác đến năm 2024 là 4,06 ha, không biến động so với diện tích năm 2023.

c. Đất chưa sử dụng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện là 69,76 ha. Đến năm 2024 diện tích đất chưa sử dụng thực giảm 1,21 ha so với năm 2023.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất chưa sử dụng là 68,55 ha, chiếm 0,58% diện tích đất tự nhiên.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích năm 2024

3.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 314,69 ha.

Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 217,23 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông 26,06 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 13,91 ha.
- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,14 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp 48,42 ha.
- Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 8,93 ha.

3.4.2. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 4,55 ha. Trong đó:

- Đất phi nông nghiệp chuyển sang đất ở tại đô thị 0,15 ha.
 - Đất phi nông nghiệp chuyển sang đất ở tại nông thôn 4,40 ha.
- (Chi tiết tại Biểu 07/CH. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn)*

3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024

Tổng diện tích các loại đất cần thu hồi trong năm 2024 của huyện An Lão là 212,59 ha trong đó:

** Thu hồi đất nông nghiệp: 203,08 ha:*

- Thu hồi đất trồng lúa: 159,91 ha;
- Thu hồi đất trồng cây hàng năm: 8,83 ha;
- Thu hồi đất trồng cây lâu năm: 9,38 ha;
- Thu hồi đất nuôi trồng thủy sản: 21,03 ha.
- Thu hồi đất nông nghiệp khác: 3,93 ha.

** Thu hồi đất phi nông nghiệp: 9,51 ha:*

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,25 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 8,54 ha; trong đó:
 - + Đất giao thông: 6,91 ha;
 - + Đất thủy lợi: 1,50 ha;
 - + Đất cơ sở giáo dục đào tạo: 0,04 ha;
 - + Đất công trình năng lượng: 0,03 ha;
 - + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 0,06 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 0,20 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,52 ha.

(Chi tiết tại Biểu 08/CH. Diện tích đất cần thu hồi năm 2024 huyện An Lão phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2024

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2024 trên địa bàn huyện là 1,21 ha, được chuyển mục đích sang các loại đất sau:

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1,21 ha;

(Chi tiết tại Biểu 09/CH. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng)

3.7. Danh mục công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Tổng số dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 46 công trình với

diện tích là 355,68 ha. Trong đó:

- Đăng ký mới là 01 công trình, dự án với diện tích 5,60 ha.
- Chuyển tiếp từ năm 2023 sang thực hiện trong năm 2024 là 45 công trình với diện tích 350,08 ha.

(Danh mục các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão chi tiết tại biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

3.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Dự toán thu chi từ đất của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão được dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định của Chính phủ số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;
- Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND thành phố về việc ban hành quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản, chi phí đầu tư trên đất và mặt nước nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024);
- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố;
- Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND thành phố về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn TP Hải Phòng;

3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Dự kiến các khoản thu ngân sách gồm: Thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế, phí liên quan đến đất đai.
- Dự kiến các khoản chi: Chi cho việc bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển

đổi nghề nghiệp, đèn bù cây cối hoa màu, chi phí bảo vệ, phát triển trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, chi phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; chi phí tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, lập quy hoạch chi tiết của các dự án.

** Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai*

- Phương pháp tính:

+ Đối với các khoản thu:

Thu tiền khi giao đất ở nông thôn, đấu giá đất ở đô thị;

Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích cơ sở sản xuất kinh doanh.

Thu thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

+ Đối với các khoản chi: Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp bao gồm các hạng mục sau:

Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;

Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;

Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;

Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;

Chi bồi thường khi thu hồi đất rừng sản xuất;

Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn;

Chi bồi thường khi thu hồi đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

+ Về giá các loại đất:

Lấy đơn giá trung bình ở các vị trí theo Bảng giá đất giai đoạn (2020-2024) của thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng; Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố;

+ Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:

Dự tính hỗ trợ thêm 2% tổng số tiền chi sử dụng đất (theo Khoản 1 Điều 31 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

- Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất:

Bảng 06: Dự kiến các khoản thu chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
I. Các khoản thu			1.117.015
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	7,52	1.065.000	80.109
- Thu tiền khi đấu giá đất ở đô thị	12,22	4.000.000	488.800
- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	51,56	750.000	386.700
- Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	217,23	72.000	156.406
- Các nguồn thu khác (lệ phí trước bạ, thuế,...)			5.000
II. Chi bồi thường về đất			142.615
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	159,91	72.000	115.135
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm	8,83	72.000	6.358
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	9,38	80.000	7.504
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	21,03	60.000	12.618
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	0,20	500.000	1.000
III. Các khoản chi Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp			269.990
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	159,91	144.000	230.270
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm	8,83	108.000	9.536
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	9,38	120.000	11.256
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	21,03	90.000	18.927
IV. Các khoản chi bồi thường về cây cối hoa màu			11.328
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác (sản lượng 4 tấn/ha)	168,74	5.120	8.639
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm (sản lượng 4 tấn/ha) hỗ trợ 02 năm	9,38	4.000	375
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản (công đào đắp thủ công 50.000/m ³)	21,03	11.000	2.313
V. Chi phí tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng		2%	2.852
Cân đối thu chi = [I - (II+III+IV+V)]			690.230

Trên đây chỉ là dự kiến thu chi tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng cho từng dự án cụ thể.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác để tăng độ che phủ cho đất, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.
- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân

canh, xen canh,... đầu tư cân đối các loại phân bón để cải tạo độ phì nhiêu đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải tránh ô nhiễm môi trường, cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra, xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hành lang, cống rãnh thoát nước tại nơi công cộng và trên các đường phố, khu dân cư; tu bổ, nạo vét các sông ngòi. Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý nước thải.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

- Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất, góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

- Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

- Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Giải pháp tổ chức thực hiện:

+ Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND thành phố phê duyệt, UBND huyện có trách nhiệm công bố công khai kế hoạch sử dụng đất của huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của huyện và công bố công khai nội

dung có liên quan đến xã, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân huyện chủ trì, phối hợp các ngành, các cấp tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch. Định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất với Ủy ban nhân dân huyện.

+ Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng ban, các xã, thị trấn tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; thông báo rộng rãi đến tất cả các phòng ban, các xã, thị trấn, các thành phần kinh tế, quần chúng nhân dân và trên các phương tiện truyền thông để huy động các nguồn lực thực hiện và giám sát thực hiện. Các phòng, ban theo lĩnh vực phụ trách của mình phối hợp với các cơ quan hữu quan để thực hiện kế hoạch và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch.

+ Thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với những người dân bị mất đất sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu dân cư mới,... trên địa bàn.

+ Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi. Tăng cường thực hiện việc đấu giá đất, cho thuê đất hoặc đấu thầu khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất, khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực thế mạnh của địa phương theo nguyên tắc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường đất và môi trường sinh thái.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao.

+ Các công trình dự án đã được phê duyệt trong năm kế hoạch đảm bảo thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ và phù hợp theo quy hoạch của các ngành, lĩnh vực.

- Giải pháp giám sát thực hiện:

+ Kiên quyết không thỏa thuận đầu tư, cấp phép đầu tư, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất với những dự án, công trình không nằm trong danh mục quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục

đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

+ Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, đảm bảo được tính minh bạch của quy hoạch sử dụng đất để mọi thành phần kinh tế biết, để tham gia thực hiện.

+ Cải cách thủ tục hành chính là giải pháp đột phá trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở các cấp.

+ Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở đi đôi với làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đảm bảo pháp luật được thực thi đối với cả cơ quan nhà nước, cán bộ công chức, các tổ chức kinh tế và mọi người dân.

4.4. Các giải pháp khác

*** Giải pháp về chính sách**

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục nhằm thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, các nhân trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật... Để nâng cao đời sống nhân dân, tuyên truyền để người dân có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng, khai thác đất đai có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

*** Về khoa học kỹ thuật và công nghệ**

- Từng bước áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai. Tổ chức các lớp đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

- Xây dựng mạng lưới thông tin đất đai, khẩn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai với cấp tỉnh và từ cấp huyện đến các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập kế hoạch

sử dụng đất, nhất là các công trình có tác dụng nâng cao năng suất, chất lượng công tác kế hoạch giúp triển khai nhanh và đồng bộ về kế hoạch giữa hai cấp.

*** Giải pháp về thực hiện trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.**

- Thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với những người dân bị mất đất sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu dân cư mới,... trên địa bàn huyện An Lão.

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của Luật đất đai trước khi triển khai thực hiện dự án.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão – thành phố Hải Phòng đã thực hiện đầy đủ tính chất này.

Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất.

Kết quả xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện An Lão như sau:

* Hiện trạng tính đến 31/12/2023, huyện An Lão có tổng diện tích tự nhiên là 11.772,53 ha, trong đó đất nông nghiệp là 6.491,90 ha chiếm 55,14% tổng diện tích tự nhiên, đất phi nông nghiệp là 5.210,86 ha chiếm 44,26% tổng diện tích tự nhiên, đất chưa sử dụng là 69,76 ha chiếm 0,59% tổng diện tích tự nhiên.

* Kết quả tính toán xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024, quỹ đất sử dụng của huyện có những thay đổi đáng kể:

- Diện tích đất nông nghiệp năm 2024 là 6.177,21 ha, giảm 314,69 ha so với năm 2023. Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2024 là 5.526,76 ha, tăng 315,90 ha so với năm 2023. Diện tích đất chưa sử dụng năm 2024 là 68,55 ha, giảm 1,21 ha so với năm 2023.

- Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng trong năm 2024: Đất nông nghiệp chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp là 314,69 ha; đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở là 4,55 ha.

- Diện tích đất cần thu hồi năm 2024 của huyện là 212,59 ha; trong đó thu hồi đất nông nghiệp là 203,08 ha; thu hồi đất phi nông nghiệp là 9,51 ha.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 của huyện là 1,21 ha.

Để đạt được những mục tiêu trên, Đảng bộ và chính quyền huyện cần phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, đồng thời phải có những biện pháp thực hiện tích cực để huy động được các nguồn nhân lực, tài lực, vật lực nhằm khai thác hết tiềm năng của huyện. Bên cạnh nhân tố nội lực, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài cũng rất quan trọng, không thể thiếu, mà trước hết là sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy và UBND thành phố Hải Phòng.

2. Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành hữu quan của thành phố Hải Phòng sớm xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của huyện An Lão năm 2024 để UBND huyện đủ căn cứ tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất đúng pháp luật và hiệu quả hơn./.

Phụ lục**Hệ thống biểu trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện An Lão
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện An Lão
4	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão
5	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão
6	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 của huyện An Lão
7	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 của huyện An Lão
8	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện An Lão
9	Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng của huyện An Lão
10	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện An Lão